

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Giáo Trình Trung Bộ Kinh – Majjhima Nikāya

Bài học ngày 17.6.2020

6. Kinh Ước Nguyện (Ākaṅkheyya Sutta)

Tên kinh được gọi là Kinh Ước Nguyện vì nội dung bài kinh đề cập về ước vọng của một tỳ kheo trong cuộc sống hằng ngày cũng như những thành tựu xa hơn trong hành trình tu tập. Nói chính xác thì bài kinh này Đức Phật giảng về lợi ích của hành trì giới bốn. Sự nghiêm trì có học pháp là căn bản bước đầu của giới, định, tuệ. Chính sự tu tập mỹ mãn tam học khiến những ước vọng trong đời sống phạm hạnh được thành tựu. Qua những mong ước của một tỳ kheo tu tập mà Đức Phật đề cập cho thấy một số khía cạnh quan trọng của thành quả tu hành.

025. Hành trì giới bốn Pātimokkha

Phật ngôn mở đầu pháp thoại với lời kêu gọi sống đầy đủ giới hạnh (sampannasīlā, bhikkhave, viharatha) với những điểm sau:

- a. Thực hành viên mãn giới bốn (sampannapātimokkhā);*
- b. Sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bốn (pātimokkhasaṃvarasaṃvutā viharatha);*
- c. Đầy đủ tư cách của người chỉ lui tới những nơi thích đáng (ācāragocarasampannā);*
- d. Ý thức sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt (aṇumattesu vajjesu bhayadassāvino);*
- e. Chơn chánh thọ trì các học giới (samādāya sikkhatha sikkhāpadesu).*

Pātimokkha là từ của của pāti + mokkha. Pāti nghĩa là hộ trì, gìn giữ, canh gác; mokkha nghĩa là giải thoát, khai phóng. Là danh từ riêng chỉ cho giới bốn Đức Phật ban hành cho tỳ kheo và tỳ kheo ni. Giới bốn tỳ kheo có 227 học giới; giới bốn tỳ kheo ni có 311 học giới. (Trong Hán tạng thuật ngữ Pātimokkha dịch là “Biệt biệt giải thoát” có ý nghĩa “giữ một điều giới luật thì giải thoát một trói buộc”. Ý nghĩa này không có trong Tạng Pāli mặc dù đôi khi một số dịch giả của sử dụng).



Kinh Văn

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvattthī (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo".

-- "Bạch Thế Tôn", những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

-- Các Tỷ-kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhất, chơn chánh lãnh thọ và học tập các học giới.

026. Những ước nguyện và hoài bảo của những vị xuất gia

Những mong cầu suông thường không thành tựu như “ôm cây đọi cỏ”. Trái lại những sở cầu có thể như nguyện nếu một vị tu sĩ có những đức tánh sau:

- a. Đầy đủ giới hạnh (*sīlesvevassa paripūrakārī*)
- b. Nội tâm an tịnh (*ajjhataṃ cetosamathanuyutto*)
- c. Định tâm không gián đoạn (*anirākatajjhāno*)
- d. Thành tựu minh sát (*vipassanāya samannāgato*)
- e. Là người chuộng sống nơi trống vắng (*brūhetā suññāgārānaṃ*)



Kinh Văn

[Những ước muốn trong cuộc sống hằng ngày]

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta được các đồng phạm hạnh thương mến, yêu quý, cung kính và tôn trọng!", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta được các vật dụng như y phục, các món ăn khát thực, sàng □á chà các dược phẩm trị bệnh!”, Tỷ-kheo

ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta nay hưởng thọ các vật dụng như y phục, các món ăn khát thực, sàng □ á chà các dược phẩm trị bệnh! Mong rằng hành động của những vị tạo ra các vật dụng ấy được quả báo lớn, được lợi ích lớn!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng những bà con huyết thống với ta, khi họ chết và mệnh chung, nghĩ (đến ta) với tâm hoan hỷ (và nhờ vậy) được quả báo lớn, lợi ích lớn!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta nhiếp phục lạc và bất lạc, chớ không phải bất lạc nhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục bất lạc được khởi lên!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi, chớ không phải khiếp đảm và sợ hãi nhiếp phục ta! Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi được khởi lên!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

[Những ước muốn thiền định đạo quả]

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng, tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm, hiện tại lạc trú!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Có những giải thoát tịch tĩnh, siêu thoát Sắc giới, thuộc Vô sắc giới. Mong rằng ta có thể cảm xúc với thân và sống an trú trong cảnh giới ấy!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta trừ diệt ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng trừ diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, ta chứng được Nhứt Lai, chỉ phải trở lại đời một lần nữa để đoạn tận khổ đau!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng, trừ diệt năm hạ phần kiết sử, ta được hóa sanh, chứng được Niết-bàn ngay tại cảnh giới ấy, không còn trở lui thế giới này nữa!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... các trú xứ không tịnh.

[Những ước muốn xa hơn thiền định và đạo quả]

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta chứng được các loại thân thông! Một thân ta hiện ra nhiều thân, nhiều thân ta hiện ra một thân; ta hiện hình, biến hình □á chà qua vách, qua thành, qua núi như □á chà hư không, ta độn thổ trời lên ngang qua đất liền như ở trong nước; ta đi trên nước không chìm như trên đất liền; ta ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, ta chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; ta có thể, thân ta có thân thông bay cho đến Phạm Thiên!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)...các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng, với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, ta có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và loài Người, ở xa hay ở gần!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng với tâm của ta, ta biết được tâm của các chúng sanh và loài Người. Tâm có tham, ta biết tâm có tham. Tâm không tham, ta biết tâm không tham. Tâm có sân, ta biết tâm có sân. Tâm không sân, ta biết tâm không sân. Tâm có si, ta biết tâm có si. Tâm không si, ta biết tâm không si. Tâm chuyên chú, ta biết tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, ta biết tâm tán loạn. Tâm đại hành, ta biết tâm đại hành. Tâm không đại hành, ta biết tâm không đại hành. Tâm chưa vô thượng, ta biết tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, ta biết tâm vô thượng. Tâm Thiền định, ta biết tâm Thiền định. Tâm không Thiền định, ta biết tâm không Thiền định. Tâm giải thoát, ta biết tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, ta biết tâm không giải thoát!” Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp, ta nhớ rằng: “Tại

chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, thọ mạng đến mức như thế này, Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, thọ mạng đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây!", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng với thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, ta thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng. Các Tôn giả, chúng sanh nào làm những ác hạnh về thân, về lời và về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn các Tôn giả, chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, về lời và về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, ta với thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh, ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ!", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Với sự diệt trừ các lậu hoặc, sau khi tự tri tự chứng, ta chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát không có lậu hoặc!", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chơn chánh lãnh thọ và tu học các học giới. Như vậy, phạm đã nói gì, chính duyên ở đây mà nói vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Phân đoạn & chú thích: Tỷ Kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

Kinh số 6 [tóm tắt]
Kinh Ước Nguyện
(Ākaṅkheyya Sutta)
(M.i, 33)

Đức Phật khuyên các Tỷ-kheo sống đầy đủ giới, đầy đủ giới bổn, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập các học pháp. Đức Phật đề cập đến mười bảy ước nguyện của vị Tỷ-kheo và muôn các ước nguyện này thành tựu, Tỷ-kheo cần phải viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tịnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, sống tại các trú xứ không tịnh. Mười bảy ước nguyện như sau:

- 1/ Mong rằng ta được các đồng Phạm hạnh kính trọng.
- 2/ Mong rằng ta nhận được y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh.
- 3/ Mong rằng những ai đã cúng dường bốn món vật dụng cho ta được quả báo lớn, lợi ích lớn.
- 4/ Mong rằng cha mẹ con huyết thống khi mạng chung nghĩ đến ta với tâm hoan hỷ và nhờ vậy được quả báo lớn, lợi ích lớn.
- 5/ Mong rằng ta nhiếp phục lạc và bất lạc, không để bất lạc nhiếp phục ta.
- 6/ Mong rằng ta nhiếp phục sợ hãi và khiếp dâm, không để sợ hãi và khiếp dâm nhiếp phục ta.
- 7/ Mong rằng ta chứng được bốn thiền không có khó khăn.
- 8/ Mong rằng ta có thể xúc cảm với thân và sống an trú trong những cảnh giới giải thoát tịch tịnh, siêu thoát sắc giới, vô sắc giới.
- 9/ Mong rằng ta diệt trừ ba kiết sử, chứng được Dự lưu, chắc chắn không còn đọa lạc, hướng đến chánh giác.
- 10/ Mong rằng ta diệt ba kiết sử, làm muội lược tham, sân, si, chứng được Nhất lai.
- 11/ Mong rằng ta trừ diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh từ cảnh giới ấy, chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

12/ Mong rằng ta chứng được Thần túc thông.

13/ Mong rằng ta chứng được Thiên nhĩ thông.

14/ Mong rằng ta chứng được Tha tâm thông.

15/ Mong rằng ta chứng được Túc mạng thông.

16/ Mong rằng ta chứng được Thiên nhãn thông.

17/ Mong rằng ta chứng được Lộ tận thông, chứng được tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu

-ooOoo-

Kinh số 6 [dàn ý]
Kinh Ước Nguyện
(Ākaṅkheyya Sutta)
(M.i, 33)

A. Duyên khởi

Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và thuyết giảng.

B. Chánh kinh:

Thế Tôn đề cao giới hạnh, thuyết 13 ước nguyện của vị Tỷ-kheo và điều kiện để thành tựu 13 ước nguyện ấy (tức là hành trì Giới, Định, Tuệ).

I. 6 ước nguyện về nếp sống giữa chúng Tăng.

II. 2 ước nguyện về Thiền sắc giới và Thiền vô sắc giới.

III. 3 ước nguyện về quả Dự lưu, Nhất lai, Bất lai.

IV. 6 ước nguyện về 6 thông: Thần túc, Thiên nhĩ, Tha tâm, Túc mạng, Thiên nhãn, Lộ tận.

V. Thế Tôn đề cao giới hạnh.

C. Kết luận:

Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu

-ooOoo-

Kinh số 6 [toát yếu]
Kinh Ước Nguyện
(Ākaṅkheyya Sutta)
(M.i, 33)

I. Toát yếu

Ākaṅkheyya Sutta - If a bhikkhu wish.

The Buddha begins by stressing the importance of virtue as the foundation for a bhikkhu's training; he then goes on to enumerate the benefits that a bhikkhu can reap by properly fulfilling the training.

Tỳ kheo nên cầu mong những gì.

Mở đầu, Phật nhấn mạnh tầm quan trọng của giới, nền tảng việc tu tập của một tỳ kheo. Kế đến Ngài kể ra những lợi lạc mà một tỳ kheo có thể gặt hái được nhờ viên mãn các học giới.

II. Tóm tắt

Trước hết, Phật nhấn mạnh về Giới vì là căn bản tu hành. Nếu tỳ kheo có những ước nguyện như: Mong được các vị đồng tu yêu kính; mong được tứ sự cúng dường; mong thí chủ được phước lớn khi cúng dường mình; mong bà con lúc lâm chung chỉ cần nghĩ đến mình cũng có quả báo lợi lạc. Mong nhiếp phục được lạc khổ, không bị lạc và khổ làm động tâm; nhiếp phục sợ hãi khiếp đảm; mong chứng 4 thiền 4 định vô sắc; mong diệt trừ được ba kiết sử chứng quả Dự lưu; mong chứng Nhất lai; Bất hoàn; mong chứng các thần thông như thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, tùy nghiệp thú trí, mong diệt trừ lậu hoặc.

Muốn thành tựu các ước nguyện ấy, tỳ kheo cần phải "thành tựu viên mãn giới, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh."

III. Chú giải

Trong lời dạy này, Phật đã tóm thâu cả ba vô lậu học: "Thành tựu viên mãn giới" là Giới học. "Kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định" là Định học. "Thành tựu quán hạnh" là Tuệ học. Còn "thích sống tại các trú xứ không tịnh" là điều kiện để có thể hoàn thành các mục tiêu vừa kể.

IV. Pháp số

Ba kiết sử: thân kiến, nghi, Giới cấm thủ. Trừ ba kiết sử đặc quả Dự lưu, không còn đọa lạc, chẵn chẵn giải thoát.

Ba vô lậu học: Giới, định, tuệ.

Bốn giải thoát tịch tĩnh hay bốn không, bốn tịch tịnh trú: Không vô biên, Thức vô biên, Vô sở hữu, Phi tướng phi phi tướng, là bốn thiền chứng thuộc vô sắc giới.

Bốn quả sa môn: Dự lưu, Nhất lai (diệt ba kết sử, muội lược tham sân si, chỉ còn trở lại một lần trên đời này), Bất hoàn (không trở lui đời này), A-la-hán sạch hết ô nhiễm vi tế.

Bốn vật dụng hay tứ y: vật dùng về ăn mặc ở bệnh.

Bốn thiền: Gọi là *hiện tại lạc trú*, gồm sơ thiền với 5 thiền chi: tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm; nhị thiền bỏ tầm tứ; tam thiền bỏ hỷ; tứ thiền bỏ lạc, chỉ còn xả niệm thanh tịnh.

Sáu thông: Thần túc, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, thiên nhãn và lậu tận; là ba minh nói rộng.

V. Kệ tụng

1-Đấng đạo sư nhắc nhở
Tỳ kheo sống phòng hộ
Với Giới biệt giải thoát
Với chánh niệm, uy nghi
Và thấy được hiểm nguy

Trong từng lỗi nhỏ nhặt
Bởi vì Giới dẫn đầu
Trong tất cả thiện pháp.

2. Nếu tỳ kheo ước nguyện:
"Được pháp hữu yêu kính";
"Được bốn vật cần dùng";
Và "mong thí chủ mình
Sẽ được quả báo lớn"
Hãy viên mãn Giới luật,
Thích sống nơi nhàn tịnh
Và siêng tu thiền định
Để thành tựu tuệ quán.

3. Nếu tỳ kheo ước nguyện:
"Mong bà con dòng họ
Lâm chung nghĩ đến mình
Với tâm niệm hân hoan
Sẽ được phước báo lớn"
Nếu tỳ kheo ước nguyện:
"Mong sợ hãi khổ vui
Không sợ hãi khiếp đảm"
Hãy viên mãn Giới luật,
Thích sống nơi nhàn tịnh
Và siêng tu thiền định
Để thành tựu tuệ quán.

4. Nếu tỳ kheo ước nguyện
"Mong ta chứng bốn thiền
Được hiện tại lạc trú"
"Mong ta chứng bốn Không
Thành tựu tịch tịnh trú"
Hãy viên mãn Giới luật
Thích sống nơi nhàn tịnh
Và siêng tu thiền định
Để thành tựu tuệ quán.

5. Nếu tỳ kheo ước nguyện
"Mong ta chứng Dự lưu
Diệt trừ ba kiết sử"

"Mong ta chứng Nhất lai
Muội lược tham sân si"
"Mong ta chứng Bất hoàn
Trừ năm "hạ kiết sử"
Hãy viên mãn Giới luật,
Thích sống nơi nhàn tịnh
Để thành tựu tuệ quán.

6. Nếu tỳ kheo ước nguyện
"Mong ta chứng thần thông
Biến hóa theo nhiều cách"
"Mong ta chứng thiên nhĩ
Nghe đủ tiếng gần, xa"
"Mong ta chứng túc mạng
Biết các đời quá khứ"
"Mong ta chứng thiên nhãn
Thấy sống chết chúng sinh"
Nếu tỳ kheo ước nguyện
"Mong ta chứng lậu tận
Đạt tâm, tuệ giải thoát
Ngay trong đời hiện tại"
Hãy viên mãn Giới luật,
Thích sống nơi nhàn tịnh
Và siêng tu thiền định
Để thành tựu tuệ quán.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Tóm tắt & chú giải: Thích Nữ Trí Hải*

-ooOoo-

6. Ākaṅkheyyasuttaṃ [Mūla]

64. Evaṃ me suttaṃ : ekaṃ samayaṃ **Bhagavā** sāvattthiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tatra kho **Bhagavā** bhikkhū āmantesi : "bhikkhavoti. "Bhadanteti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca : "sampannasīlā, bhikkhave, viharatha sampannapātīmokkhā pātīmokkhasaṃvarasaṃvutā viharatha ācāragocarasampannā aṇumattesu vajjesu bhayadassāvino samādāya sikkhatha sikkhāpadesu.

65. "Ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu : 'sabrahmacārīnaṃ piyo ca assaṃ maṇāpo ca garu ca bhāvanīyo cāti [maṇāpo garubhāvaniyo cāti (sī.)], sīlesvevassa paripūrakārī ajjhataṃ cetosamathamanuyutto anirākatajjhāno vipassanāya samannāgato brūhetā suññāgārānaṃ. "Ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu : 'lābhī assaṃ cīvarapiṇḍapātasenāsanagilānappaccayabhesajjaparikkhārānanti, sīlesvevassa paripūrakārī ajjhataṃ cetosamathamanuyutto anirākatajjhāno vipassanāya samannāgato brūhetā suññāgārānaṃ. "Ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu : 'yesāhaṃ cīvarapiṇḍapātasenāsana gilānappaccayabhesajjaparikkhāraṃ paribhuñjāmi tesam te kārā mahapphalā assu mahānisamsāti, sīlesvevassa paripūrakārī ajjhataṃ cetosamathamanuyutto anirākatajjhāno vipassanāya samannāgato brūhetā suññāgārānaṃ. "Ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu : 'ye maṃ [ye me (sī. syā.)] ñātī sālohitā petā kālaṅkatā [kālakatā (sī. syā. pī.)] pasannacittā anussaranti tesam taṃ mahapphalaṃ assa mahānisamsanti, sīlesvevassa paripūrakārī ajjhataṃ cetosamathamanuyutto anirākatajjhāno vipassanāya samannāgato brūhetā suññāgārānaṃ.

66. "Ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu : 'aratiratisaho assaṃ, na ca maṃ arati saheyya, uppannaṃ aratiṃ abhibhuyya abhibhuyya vihareyyanti, sīlesvevassa paripūrakārī - pe - brūhetā suññāgārānaṃ. "Ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu : 'bhayabheravasaho assaṃ, na ca maṃ bhayabheravaṃ saheyya, uppannaṃ bhayabheravaṃ abhibhuyya abhibhuyya vihareyyanti, sīlesvevassa paripūrakārī - pe - brūhetā suññāgārānaṃ. "Ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu : 'catunnaṃ jhānānaṃ ābhicetasikānaṃ diṭṭhadhammasukhavihārānaṃ nikāmalābhī assaṃ akicchālābhī akasiralābhīti, sīlesvevassa paripūrakārī - pe - brūhetā suññāgārānaṃ. "Ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu : 'ye te santā vimokkhā atikkamma rūpe āruppā, te kāyena phusitvā vihareyyanti, sīlesvevassa paripūrakārī - pe - brūhetā suññāgārānaṃ.

67. "Ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu : 'tiṇṇaṃ saṃyojanānaṃ parikkhayā sotāpanno assaṃ avinipātadhammo niyato sambodhiparāyaṇoti, sīlesvevassa

paripūrakārī - pe - brūhetā suññāgārānaṃ. "Ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu : 'tiṇṇaṃ saṃyojanānaṃ parikkhayā rāgadosamohānaṃ tanuttā sakadāgāmī assaṃ sakideva imaṃ lokaṃ āgantvā dukkhassantaṃ kareyyanti, sīlessevassa paripūrakārī - pe - brūhetā suññāgārānaṃ. "Ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu : 'pañcannaṃ orambhāgiyānaṃ saṃyojanānaṃ parikkhayā opapātiko assaṃ tattha parinibbāyī anāvattidhammo tasmā lokāti, sīlessevassa paripūrakārī - pe - brūhetā suññāgārānaṃ.

68. "Ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu : 'anekavihiṭṭaṃ iddhiṭṭhaṃ paccanubhaveyyaṃ : ekopi hutvā bahudhā assaṃ, bahudhāpi hutvā eko assaṃ āvibhāvaṃ tirobhāvaṃ tirokuṭṭaṃ tiropākāraṃ tiropabbataṃ asajjamaṇo gaccheyyaṃ, seyyathāpi ākāse pathaviyāpi ummujjanimujjaṃ kareyyaṃ, seyyathāpi uduke udukepi abhijjamaṇe gaccheyyaṃ, seyyathāpi pathaviyaṃ ākāsepi pallaṅkena kameyyaṃ, seyyathāpi pakkhī sakuṇo imepi candimasūriye evaṃmahiddhike evaṃmahānubhāve pāṇinā parāmaṣeyyaṃ parimajjeyyaṃ yāva brahmalokāpi kāyena vasaṃ vatteyyanti, sīlessevassa paripūrakārī - pe - brūhetā suññāgārānaṃ. "Ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu : 'dibbāya sotadhātuyā visuddhāya atikkantaṃ mānusiṅgāya ubho sadde suṇeyyaṃ : dibbe ca mānuse ca ye dūre santike cāti, sīlessevassa paripūrakārī - pe - brūhetā suññāgārānaṃ.

"Ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu : 'parasattānaṃ parapuggalānaṃ cetasaṃ ceto paricca pajāneyyaṃ : sarāgaṃ vā cittaṃ sarāgaṃ cittanti pajāneyyaṃ, vītarāgaṃ vā cittaṃ vītarāgaṃ cittanti pajāneyyaṃ sadosaṃ vā cittaṃ sadosaṃ cittanti pajāneyyaṃ, vītadosaṃ vā cittaṃ vītadosaṃ cittanti pajāneyyaṃ samohaṃ vā cittaṃ samohaṃ cittanti pajāneyyaṃ, vītamohaṃ vā cittaṃ vītamohaṃ cittanti pajāneyyaṃ saṃkhittaṃ vā cittaṃ saṃkhittaṃ cittanti pajāneyyaṃ, vikkhittaṃ vā cittaṃ vikkhittaṃ cittanti pajāneyyaṃ mahaggataṃ vā cittaṃ mahaggataṃ cittanti pajāneyyaṃ, amahaggataṃ vā cittaṃ amahaggataṃ cittanti pajāneyyaṃ sauttaraṃ vā cittaṃ sauttaraṃ cittanti pajāneyyaṃ, anuttaraṃ vā cittaṃ anuttaraṃ cittanti pajāneyyaṃ samāhitaṃ vā cittaṃ samāhitaṃ cittanti pajāneyyaṃ, asamāhitaṃ vā cittaṃ asamāhitaṃ cittanti pajāneyyaṃ vimuttaṃ vā cittaṃ vimuttaṃ cittanti pajāneyyaṃ, avimuttaṃ vā cittaṃ avimuttaṃ cittanti pajāneyyanti, sīlessevassa paripūrakārī - pe - brūhetā suññāgārānaṃ.

"Ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu : 'anekavihiṭṭaṃ pubbenivāsaṃ anussareyyaṃ, seyyathidaṃ : ekampi jātiṃ dvepi jātiyo tissopi jātiyo catassopi jātiyo pañcapi jātiyo dasapi jātiyo vīsampi jātiyo tiṃsampi jātiyo cattālīsampi jātiyo paññāsampi jātiyo jātisatampi jātisahassampi jāti satahassampi anekepi saṃvaṭṭakappe anekepi vivaṭṭakappe anekepi saṃvaṭṭavivaṭṭakappe : amutrāsīṃ evaṃnāmo evaṃgotto evaṃvaṇṇo evaṃmāhāro evaṃsukhadukkhappaṭisaṃvedī

evamāyupariyanto, so tato cuto amutra udapādiṃ tatrāpāsīṃ evaṃnāmo evaṃgotto evaṃvaṇṇo evamāhāro evaṃsukhadukkhappaṭisaṃvedī evamāyupariyanto, so tato cuto idhūpapannoti. Iti sākāraṃ sauddesaṃ anekavihiṭṭaṃ pubbenivāsaṃ anussareyyanti, sīlesvevassa paripūrakārī - pe - brūhetā suññāgārānaṃ. "Ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu : 'dibbena cakkhunā visuddhena atikkantamānusakena satte passeyyaṃ cavamāne upapajjamāne hīne paṇīte suvaṇṇe dubbaṇṇe sugate duggate yathākammūpage satte pajāneyyaṃ : ime vata bhonto sattā kāyaduccaritena samannāgatā vacīduccaritena samannāgatā manoduccaritena samannāgatā ariyānaṃ upavādakā micchādiṭṭhikā micchādiṭṭhikammasamādānā, te kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapannā ime vā pana bhonto sattā kāyasucaritena samannāgatā vacīsucaritena samannāgatā manosucaritena samannāgatā ariyānaṃ anupavādakā sammādiṭṭhikā sammādiṭṭhikammasamādānā, te kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā sugatiṃ saggamaṃ lokamaṃ upapannāti, iti dibbena cakkhunā visuddhena atikkantamānusakena satte passeyyaṃ cavamāne upapajjamāne hīne paṇīte suvaṇṇe dubbaṇṇe sugate duggate yathākammūpage satte pajāneyyanti, sīlesvevassa paripūrakārī ajjhataṃ cetosamathamanuyutto anirākatajjhāno vipassanāya samannāgato brūhetā suññāgārānaṃ.

69. "Ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu : 'āsavānaṃ khayā anāsavaṃ cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ diṭṭhevadhamme sayamaṃ abhiññā sacchikatvā upasampajja vihareyyanti, sīlesvevassa paripūrakārī ajjhataṃ cetosamathamanuyutto anirākatajjhāno vipassanāya samannāgato brūhetā suññāgārānaṃ. "Sampannasīlā, bhikkhave, viharatha sampannapātimokkhā pātimokkhasaṃvarasaṃvutā viharatha ācāragocarasampannā aṇumattesu vajjesu bhayadassāvino samādāya sikkhatha sikkhāpadesūti : iti yaṃ taṃ vuttaṃ idametaṃ paṭicca vuttanti. Idamavoca **Bhagavā**. Attamaṇā te bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinanduntī.

Ākaṅkheyyasuttaṃ niṭṭhitaṃ chatṭhaṃ.

6. Ākaṅkheyyasuttavaṇṇanā [Atthakathā]

64. **Evam me sutanti** ākaṅkheyyasuttam. Tattha **sampannasīlāti** tividham sampannaṃ paripuṇṇasamaṅgimadhuravasena. Tattha –

“Sampannaṃ sālīkedāraṃ, suvā bhuñjanti kosiya;
Paṭivedemi te brahme, na naṃ vāretumussahe”ti. (jā. 1.14.1);

Idaṃ **paripuṇṇasampannaṃ** nāma. “Iminā pātimokkhasaṃvarena upeto hoti samupeto upāgato samupāgato upapanno sampanno samannāgato”ti (vibha. 511) idaṃ **samaṅgisampannaṃ** nāma. “Imissā, bhante, mahāpathaviyā heṭṭhimatalaṃ sampannaṃ, seyyathāpi khuddamadhuṃ aneḷakaṃ, evamassāda”nti (pārā. 17) idaṃ **madhurasampannaṃ** nāma. Idha pana paripuṇṇasampannampi samaṅgisampannampi vaṭṭati. Tasmā sampannasīlāti paripuṇṇasīlā hutvātipi sīlasamaṅgino hutvātipi evamettha attho vedibbo. **Sīlanti** kenaṭṭhena sīlaṃ? Sīlanatṭhena **sīlaṃ**. Tassa vitthārakathā **visuddhimagge** vuttā.

Tattha “paripuṇṇasīlā”ti iminā atthena khettadosavigamena khettapāripūrī viya sīladosavigamena sīlapāripūrī vuttā hoti. Yathā hi khettaṃ bījakhaṇḍaṃ vappakhaṇḍaṃ udakakhaṇḍaṃ ūsakhaṇḍanti catudosasamannāgataṃ aparipūraṃ hoti.

Tattha **bījakhaṇḍaṃ** nāma yattha antarantarā bījāni khaṇḍāni vā pūtīni vā honti, tāni yattha vapanti, tattha sassaṃ na utṭheti, khettaṃ khaṇḍaṃ hoti. **Vappakhaṇḍaṃ** nāma yattha akusalo bījāni vapanto antarantarā nipātetī. Evañhi sabbattha sassaṃ na utṭheti, khettaṃ khaṇḍaṃ hoti. **Udakakhaṇḍaṃ** nāma yattha katthaci udakaṃ atibahu vā na vā hoti, tatrāpi hi sassaṃ na utṭhenti, khettaṃ khaṇḍaṃ hoti. **Ūsakhaṇḍaṃ** nāma yattha kassako kismiñci padese naṅgalena bhūmiṃ cattāro pañca vāre kasanto atigambhīraṃ karoti, tato ūsaṃ uppajjati, tatrāpi hi sassaṃ na utṭheti, khettaṃ khaṇḍaṃ hoti, tādissaṅca khettaṃ na mahapphalaṃ hoti na mahānisamsaṃ, tatrāpi hi bahumpi vāpiti appaṃ labhati. Imesaṃ pana catunnaṃ dosānaṃ vigamā khettaṃ paripuṇṇaṃ hoti. Tādissaṅca khettaṃ mahapphalaṃ hoti mahānisamsaṃ. Evameva khaṇḍaṃ chiddaṃ sabalaṃ kammāsanti catudosasamannāgataṃ sīlaṃ aparipūraṃ hoti. Tādissaṅca sīlaṃ na mahapphalaṃ hoti, na mahānisamsaṃ. Imesaṃ pana catunnaṃ dosānaṃ vigamā sīlakhettaṃ paripuṇṇaṃ hoti, tādissaṅca sīlaṃ mahapphalaṃ hoti mahānisamsaṃ.

“Sīlasamaṅgino”ti iminā panatthena sīlena samaṅgibhūtā samodhānaṃ gatā samannāgatā hutvā viharathāti idameva vuttaṃ hoti. Tattha dvīhi kārāṇehi

sampannasīlatā hoti sīlavipattiyā ca ādīnavadassanena sīlasampattiyā ca ānisamsadassanena. Tadubhayampi **visuddhimagge** vitthāritam.

Tattha “sampannasīlā”ti ettāvatā kira bhagavā catupārisuddhisīlam uddisitvā “pātimokkhasamvarasamvutā”ti iminā tattha jetthakasīlam vitthāretvā dasseti dīpavīhāravāsī sumanatthero āha. Antevāsiko panassa **tepiṭakacūlanāgatthero** āha – ubhayatthāpi pātimokkhasamvarō bhagavatā vutto, pātimokkhasamvaroyeva hi sīlam. Itarāni pana tīni sīlanti vuttatthānam nāma atthīti ananujānanto vatvā āha – “indriyasamvarō nāma chadvārarakkhāmattakameva, ājīvapārisuddhi dhammena samena paccayuppattimattakam, paccayanissitam paṭiladdhapaccaye idamatthanti paccavekkhitvā paribhuñjanamattakam. Nippariyāyena pātimokkhasamvarova sīlam. Yassa so bhinno, ayam chinnasīso viya puriso hatthapāde sesāni rakkhissatīti na vattabbo. Yassa pana so arogo, ayam acchinnasīso viya puriso jīvitam sesāni puna pākatikāni katvā rakkhitum sakkoti. Tasmā ‘sampannasīlā’ti iminā pātimokkhasamvaram uddisitvā ‘sampannapātimokkhā’ti tasseva vevacanam vatvā tam vitthāretvā dasseto ‘pātimokkhasamvarasamvutā’tiādīmāhā”ti.

Tattha **pātimokkhasamvarasamvutā**ti pātimokkhasamvarena samannāgatā. **Ācāragocarasampannā**ti ācārena ca gocarena ca sampannā. **Aṇumattesūti** appamattakesu. **Vajjesūti** akusaladhammesu. **Bhayadassāvīti** bhayadassino. **Samādāyāti** sammā ādiyitvā. **Sikkhatha sikkhāpadesūti** sikkhāpadesu tam tam sikkhāpadaṃ samādiyitvā sikkhatha. Apica **samādāya sikkhatha sikkhāpadesūti** yaṃkiñci sikkhākoṭṭhāsesu sikkhitabbaṃ kāyikaṃ vācasikañca, tam sabbaṃ samādāya sikkhathāti ayamettha saṅkhepo, vitthārato pana sabbānetāni pātimokkhasamvarādīni padāni **visuddhimagge** vuttāni.

65. Ākaṅkheyya ceti idam kasmā āraddham? Sīlānisamsadassanattam. Sacepi acirapabbajitānam vā duppaññānam vā evamassa “bhagavā sīlam pūrethāti vadati, ko nu kho sīlapūraṇe ānisamsō, ko viseso, kā vadḍhī”ti? Tesam sattarasa ānisamsē dassetum evamāha. Appeva nāma etaṃ sabrahmacārīnam piyamanāpatādiāsavakkhayapariyosānam ānisamsam sutvāpi sīlam paripūreyyunti. Visakaṅṭakavāṇijo viya. **Visakaṅṭakavāṇijo** nāma guḷavāṇijo vuccati.

So kira guḷaphāṇitakhaṇḍasakkharādīni sakaṭenādāya paccantagāmaṃ gantvā “visakaṅṭakam gaṇhatha, visakaṅṭakam gaṇhathā”ti ugghosesi. Tam sutvā gāmikā “visam nāma kakkhaḷam, yo nam khādati, so marati, kaṅṭakampi vijjhivā māreti, ubhopete kakkhaḷā, ko ettha ānisamsō”ti gehadvārāni thakesum, dārake ca palāpesum. Tam disvā vāṇijo “avohārakusalā ime gāmikā, handa ne upāyena gaṇhāpemi”ti “atimadhuraṃ gaṇhatha, atisādum gaṇhatha, guḷam phāṇitam sakkharam samaggham labbhati, kūṭamāsakakūṭakahāpaṇādīhipi labbhatī”ti

ugghosesi. Tam sutvā gāmikā haṭṭhatuṭṭhā āgantvā bahumpi mūlaṃ datvā gahesuṃ. Tattha vāñijassa “visakaṇṭakam gaṇhathā”ti ugghosanaṃ viya bhagavato “sampannasīlā, bhikkhave, viharatha...pe... samādāya sikkhatha sikkhāpadesū”ti vacanaṃ. “Ubhopete kakkhalā, ko ettha ānisaṃso”ti gāmikānaṃ cintanaṃ viya bhagavā “sampannasīlā viharathā”ti āha, “sīlañca nāmetaṃ kakkhalaṃ pharusam khiḍḍādīpaccaṇīkaṃ, ko nu kho sampannasīlānaṃ ānisaṃso”ti bhikkhūnaṃ cintanaṃ. Atha tassa vāñijassa “atimadhuraṃ gaṇhathā”tiādivacanaṃ viya bhagavato
piyamaṇāpatādiāsavakkhaya-pariyosānaṃ
sattarasaānisaṃsappakāsanattham “ākaṅkheyya ce”tiādivacanaṃ veditabbaṃ.

Tattha **ākaṅkheyya ceti** yadi ākaṅkheyya yadi iccheyya. **Piyo ca assanti** piyacakkhūhi sampassitabbo, sinehuppattiyā padaṭṭhānabhūto bhaveyyanti vuttam hoti. **Manāpoti** tesam manavaḍḍhanako, tesam vā manena pattabbo, mettacittena pharitabboti vuttam hoti. **Garūti** tesam garuṭṭhāniyo pāsānacchattasadiṣo. **Bhāvanīyoti** “addhā ayamāyasmā jānaṃ jānāti passam passatī”ti evam sambhāvanīyo. **Sīlesvevassa paripūrakārīti** catupārisuddhisīlesuyeva paripūrakārī assa, anūnena paripūritākārena samannāgato bhaveyyāti vuttam hoti. **Ajjhattam cetosamathamānuyuttoti** attano cittasamathe yutto, ettha hi ajjhattanti vā attanoti vā etaṃ ekattham, byañjanaṃeva nānaṃ. Bhummathe panetaṃ samathanti upayogavacanaṃ. Anūti iminā upasaggena yoge siddham. **Anirākatajjhānoti** bahi anīhaṭṭajjhāno, avināsitaṭṭajjhāno vā, nīharaṇavināsatthañhi idaṃ nirākaraṇaṃ nāma. Thambham niraṃkatvā nivātavuttītiādiṣu cassa payogo daṭṭhabbo.

Vipassanāya samannāgatoti sattavidhāya anupassanāya yutto, sattavidhā **anupassanā** nāma aniccānupassanā dukkhānupassanā anattānupassanā nibbidānupassanā virāgānupassanā nirodhānupassanā paṭinissaggānupassanāti. Tā **visuddhimagge** vitthāritā. **Brūhetā suññāgārānanti** vaḍḍhetā suññāgārānaṃ, ettha ca samathavipassanāvasena kammaṭṭhānaṃ gahetvā rattindivaṃ suññāgāraṃ pavisitvā nisīdamāno bhikkhu “brūhetā suññāgārāna”nti veditabbo. Ekabhūmakādīpāsāde kurumānopi pana neva suññāgārānaṃ brūhetāti daṭṭhabboti.

Ettāvatā ca yathā taṇhāvicaritadesanā paṭhamaṃ taṇhāvasena āraddhāpi taṇhāpadaṭṭhānattā mānadiṭṭhīnaṃ mānadiṭṭhiyo osarivā kamena papañcattayadesanā jātā, evamayam desanā paṭhamaṃ adhisīlasikkhāvasena āraddhāpi sīlapadaṭṭhānattā samathavipassanānaṃ samathavipassanāyo osarivā kamena sikkhattayadesanā jātāti veditabbā.

Ettha hi “sīlesvevassa paripūrakārī”ti ettāvatā adhisīlasikkhā vuttā. “Ajjhattam cetosamathamānuyutto anirākatajjhāno”ti ettāvatā adhicittasikkhā, “vipassanāya samannāgato”ti ettāvatā adhipaññāsikkhā, “brūhetā suññāgārāna”nti

iminā pana samathavasena suññāgāraḍḍhane adhicitasikkhā, vipassanāvasena adhipaññāsikkhāti evaṃ dvepi sikkhā saṅgahetvā vuttā. Ettha ca “ajjhattam cetosamathamanyutto anirākatajjhāno”ti imehi padehi sīlānurakkhikā eva cittekaggatā kathitā. “Vipassanāyā”ti iminā padena sīlānurakkhiko saṅkhārapariggaho.

Kathaṃ cittekaggatā sīlamanurakkhati? Yassa hi cittekaggatā natthi, so byādhimhi uppanne vihaññati, so byādhivihato vikkhittacitto sīlaṃ vināsetvāpi byādhivūpasamaṃ kattā hoti. Yassa pana cittekaggatā atthi, so taṃ byādhidukkhaṃ vikkhambhetvā samāpattiṃ samāpajjati, samāpanakkhaṇe dukkhaṃ dūrāpakataṃ hoti, balavatarasukhamuppajjati. Evaṃ cittekaggatā sīlaṃ anurakkhati.

Kathaṃ saṅkhārapariggaho sīlamanurakkhati? Yassa hi saṅkhārapariggaho natthi, tassa “mama rūpaṃ mama viññāṇa”nti attabhāve balavamamattaṃ hoti, so tathārūpesu dubbhikkhabyādhibhayādīsu sampattesu sīlaṃ vināsetvāpi attabhāvaṃ posetā hoti. Yassa pana saṅkhārapariggaho atthi, tassa attabhāve balavamamattaṃ vā sineho vā na hoti, so tathārūpesu dubbhikkhabyādhibhayādīsu sampattesu sacepissa antāni bahi nikkhamanti, sacepi ussussati visussati, khaṇḍākhāṇḍiko vā hoti satadhāpi saḥassadhāpi, neva sīlaṃ vināsetvā attabhāvaṃ posetā hoti. Evaṃ saṅkhārapariggaho sīlamanurakkhati. “Brūhetā suññāgārāna”nti iminā pana tasseva ubhayassa brūhanā vaḍḍhanā sātaccakiriyaṃ dassitā.

Evaṃ bhagavā yasmā “sābrahmacārīnaṃ piyo cassaṃ manāpo ca garu ca bhāvanīyo cā”ti ime cattāro dhamme ākaṅkhantena natthaññaṃ kiñci kātabbaṃ, aññadatthu sīlādiguṇasamannāgatena bhavitabbaṃ, idiso hi sābrahmacārīnaṃ piyo hoti manāpo garu bhāvanīyo. Vuttampi hetam –

“Sīladassanasampannaṃ, dhammaṭṭhaṃ saccavādinam;

Attano kamma kubbānaṃ, taṃ jano kurute piya”nti. (dha. pa. 217);

Tasmā “ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu sābrahmacārīnaṃ piyo cassaṃ manāpo ca garu ca bhāvanīyo cāti sīlesvevassa paripūrakārī...pe... suññāgārāna”nti vatvā idāni yasmā paccayalābhādiṃ patthayantenāpi idameva karaṇīyaṃ, na aññaṃ kiñci, tasmā “ākaṅkheyya ce, bhikkhave, bhikkhu lābhī assa”ntiādīmāha. Na cettha bhagavā lābhanimittaṃ sīlādiparipūraṇaṃ kathetīti veditabbo. Bhagavā hi ghāsesanaṃ chinnakatho na vācaṃ payuttaṃ bhaṇeti, evaṃ sāvake ovadati, so kathaṃ lābhanimittaṃ sīlādiparipūraṇaṃ kathessati, puggalajjhāsaya vasena panetaṃ vuttaṃ. Yesañhi evaṃ ajjhāsayo bhaveyya “sace mayam catūhi paccayehi na kilameyyāma, sīlādiṃ pūretum sakkuṇeyyāma”ti, tesam ajjhāsaya vasena bhagavā evamāha. Apica rasānisamsa esa sīlassa, yadidaṃ cattāro paccayā nāma. Tathā hi paṇḍitamanussā koṭṭhādīsu ṭhapitaṃ nīharitvā puttādīnampi adatvā attanāpi

aparibhuñjitvā sīlavantānaṃ dentīti sīlassa sarasānisamsadassanattamaṃ petamaṃ vuttamaṃ.

Tatīyavāre **yesāhanti** yesamaṃ ahaṃ. **Tesamaṃ te kāraṇāni** tesamaṃ devānaṃ vā manussaṇaṃ vā te mayi katā paccayaḍānakāraṇā. Devāpi hi sīlādiguṇayuttānaṃ paccaye denti, na kevalamaṃ manussāyeva, sakko viya āyasmato mahākassapaṃssa. **Mahapphalā mahānisamsāti** ubhayametamaṃ atthato ekaṃ, byañjanaṃeva nānaṃ. Mahantaṃ vā lokiyasukhamaṃ phalaṇṇāni **mahapphalā**. Mahato lokuttarasukhassa ca paccayā hontīti **mahānisamsā**. Sīlādiguṇayuttassa hi kaṭacchubhikkhāpi pañcaratanaṃattāya bhūmiyā paṇṇasālāpi katvā dinnā anekāni kappasahasāni duggatīvinipātato rakkhati, pariyoṣāne ca amatāya parinibbānaḍhātuyāpaccayo hoti. “Khīrodanaṃ ahamadāsī”ntīḍāṇī (vi. va. 413) cettha vatthūni, sakalameva vā **petavatthu vimānavatthu** ca sādhaṃ. Tasmā paccayaḍāyakehi attāni katānaṃ kāraṇamaṃ mahapphalataṃ icchantaṇṇāpi sīlādiguṇayutteneva bhavitaṃbanti dasseti.

Catutthavāre **ñāṇīti** sassusasaṃurapakkhikā. **Sālohitāni** ekalohitasambaddhā pītipīṇamahādayo. **Petaṇi** peccabhāvaṃ gaṇā. **Kālaṇkatāni** maṇā. **Tesamaṃ taṇi** tesamaṃ taṃ mayi paṇannaḍittataṃ vā paṇannaṇa cittaṇa anussaraṇamaṃ vā. Yassa hi bhikkhuno kālaṇkato piṇā vā māṇā vā “amhākaṃ ṇāṇako thero sīlavā kalyāṇaḍhammo”ti paṇannaḍitto hutvā taṃ bhikkhumaṃ anussarati, tassa so cittaṃpaṇāḍopi taṃ anussaraṇamaṃattamaṃ mahapphalamaṃ mahānisamsameva hoti, anekāni kappasahasāni duggatīto vāreṇamaṃ ante ca amataṃ pāpetumaṃ samatthameva hoti. Vuttaṇṇetaṃ bhagaṇatā “ye te, bhikkhave, bhikkhū sīlasaṃpaṇṇā saṃaḍhisamaṃpaṇṇā paṇṇā, vimutti, vimuttiṇṇāḍassanaṃsaṃpaṇṇā, dassanaṃpāhamaṃ, bhikkhave, tesamaṃ bhikkhūnaṃ bahukāraṃ vadāmi. Savanaṃ, anussatiṃ, anupaṃbajjaṃ, upasaṇkamaṇaṃ, payirupaṃsaṃpaṇṇamaṃ, bhikkhave, tesamaṃ bhikkhūnaṃ bahukāraṃ vadāmi”ti (itīvu. 104). Tasmā ṇāṇīsālohitānaṃ attāni cittaṃpaṇāḍassa anussatiyā ca mahapphalataṃ icchantaṇṇāpi sīlādiguṇayutteneva, bhavitaṃbanti dasseti.

66. Paṇcamavāre **aratiṇisaho assanti** aratiyā ratiyā ca saho abhivaṃvitaṃ aṃjhottharitaṃ bhavaṃyamaṃ. Ettha ca **aratiṇi** adhikusaḍesu dhammesu paṇtasenaṇasaneṃ ca ukkaṇṇhā. **Ratiṇi** paṇcakāmaguṇarati. **Na ca maṃ arati saheyyāti** maṇca arati na abhivaṃveyya na maḍdeyya na aṃjhotthareyya. **Uppannaṇi** jāṇamaṃ nibbattaṃ. Sīlādiguṇayutto hi aratiṇca ratiṇca saṇati aṃjhottharati maḍḍitvā tiṇṇhati. Tasmā īḍisaṃ attānaṃ icchantaṇṇāpi sīlādiguṇayutteneva bhavitaṃbanti dasseti.

Chaṇṇṇavāre **bhayaṃ** cittaṇṇāroṇi āraṃmaṇaṃpi. **Bheravaṃ** āraṃmaṇameva. Saṃsaṃ paṇcamavāre vuttanaṃyameva. Sīlādiguṇayutto hi bhayaṃbheravaṃ saṇati aṃjhottharati maḍḍitvā tiṇṇhati ariyaḍoṇiyavāsīmaḍāḍattatthero viya.

Thero kira maggaṃ paṭipanno aññataraṃ pāsādikaṃ araññaṃ disvā ‘‘idhevajja samaṇadhammaṃ katvā gamissāmī’’ti maggā okkamma aññatarasmiṃ rukkhamaññe saṅghātiṃ paññāpetvā pallaṅkaṃ ābhujitvā nisīdi. Rukkhadevatāya dāraḷā therassa sīlatejena sakabhāvena saṅghātuṃ asakkontā vissaramakamsu. Devatāpi rukkhamaññe cālesi. Thero acalova nisīdi. Sā devatā dhūmāyi, pajjali, neva sakkhi theramaññe cāletuṃ, tato upāsakavaññenāgantvā vanditvā aṭṭhāsī. ‘‘Ko eso’’ti vuttā ‘‘ahamaññe, bhante, etasmiṃ rukkhamaññe adhivatthā devatā’’ti avoca. Tvaṃ ete vikāre akāsīti. Āma bhanteti. Kasmāti ca vuttā āha – ‘‘tumahākaṃ, bhante, sīlatejena dāraḷā sakabhāvena saṅghātuṃ asakkontā vissaramakamsu, sāhamaññe tumhe palāpetuṃ evamakāsi’’nti. Thero āha – ‘‘atha kasmā idha, bhante, mā vasatha, mayhamaññe aphāsūti paṭikacceva nāvacaṃsi. Idāni pana mā kiñci avaca, ariyakoti yamahādatto amanussabhayena gatoti vacanato lajjāmi, tenāhamaññe idheva vasissamaññe, tvaṃ pana ajjedivasaṃ yattha katthaci vasāhī’’ti. Evaṃ sīladiguṇayutto bhaya bhavārasaḷo hoti. Tasmā idisaṃattānaṃ icchantenāpi sīladiguṇayutteneva bhavitaṃbanti dasseti.

Sattamaṃvāre **ābhicetasikānanti abhicetoti** abhikkantaṃ visuddhacittaṃ vuccati, adhicittaṃ vā, abhicetasi jātāni ābhicetasikāni, abhiceto sannissitānīti vā ābhicetasikāni. **Diṭṭhadhammasukhavihārānanti** diṭṭhadhamme sukhavihārānaṃ. **Diṭṭhadhammoti** paccakkho attabhāvo vuccati, tatha sukhavihārābhūtānanti attho, rūpāvacarajjhānānametaṃ adhivacanaṃ. Tāni hi appetvā nisinnā jhāyino imasmiṃyeva attabhāve asaṃkiliṭṭhaṃ nekkhammasukhaṃ vindanti, tasmā ‘‘diṭṭhadhammasukhavihārānī’’ti vuccanti. **Nikāmalābhīti** nikāmena lābhī attano icchāvasena lābhī, icchiticchitakkhaṇe samāpajjituṃ samatthoti vuttaṃ hoti. **Akicchalābhīti** sukheṇeva paccanīkadhamme vikkhambhetvā samāpajjituṃ samatthoti vuttaṃ hoti. **Akasiralābhīti** akasirānaṃ vipulānaṃ lābhī, yathāparicchedeṇeva vuṭṭhātuṃ samatthoti vuttaṃ hoti. Ekacco hi lābhīyeva hoti, na pana sakkoti icchiticchitakkhaṇe samāpajjituṃ. Ekacco sakkoti tathā samāpajjituṃ, pāribandhike pana kicchena vikkhambheti. Ekacco tathā samāpajjati, pāribandhike ca akiccheneva vikkhambheti, na sakkoti nālikāyantaṃ viya yathāparicchedeṇeva ca vuṭṭhātuṃ. Yo pana imaṃ tividhampi sampadaṃ icchati, sopi sīlesvevassa paripūrakārīti.

Evaṃ abhiññāpādake jhāne vutte kiñcāpi abhiññānaṃ vāro āgato, atha kho nama bhagavā aggahetvāva yasmā na kevalaṃ abhiññāpādakajjhānāni ca abhiññāyoyeva ca sīlānaṃ ānisaṃso, apica kho cattāri āruppajjhānānīpi tayo ca hetṭhimā ariyamaggā, tasmā taṃ sabbamaññe pariyaḷāyitvā dassetuṃ **ākañkheyya ce...pe... ye te santāti** evamaññimāha.

Tattha **santā**ti aṅgasantatāya ceva ārammaṇasantatāya ca. **Vimokkhā**ti paccanīkadhammehi vimuttattā ārammaṇe ca adhimuttattā. **Atikkamma rūpeti** rūpāvacarajjhāne atikkamitvā, ye te vimokkhā atikkamma rūpe santāti padasambandho, itarathā hi atikkamma rūpe kiṃ karotīti na paññāyeyyūṃ. **Āruppā**ti ārammaṇato ca vipākato ca rūpavirahitā. **Kāyena phusitvā**ti nāmakāyena phusitvā pāpuṇitvā, adhigantvāti vuttaṃ hoti. Sesam vuttānameva. Idam vuttaṃ hoti “yopi bhikkhu ime vimokkhe phusitvā viharitukāmo, sopi sīlesvevassa paripūrakārī”ti.

67. Navamavāre **tiṇṇaṃ** **saṃyojanānanti** sakkāyaditṭhivicikicchāsīlabbataparāmāsasaṅkhātānaṃ tiṇṇaṃ bandhanānaṃ. Tāni hi saṃyojenti khandhagatibhavādīhi khandhagatibhavādayo, kammaṃ vā phalena, tasmā **saṃyojanānā**ti vuccanti, bandhanānāti attho. **Parikkhayā**ti parikkhayena. **Sotāpannoti** sotam āpanno. Sototi ca maggasetam adhivacanaṃ. **Sotāpannoti** taṃsamaṅgipuggalassa. Yathāha “soto sototi hidam, sārīputta, vuccati. Katamo nu kho, sārīputta, sototi? Ayameva hi, bhante, ariyo aṭṭhaṅgiko maggo. Seyyathidam, sammāditṭhi...pe... sammāsamādhīti. Sotāpanno sotāpannoti hidam, sārīputta, vuccati. Katamo nu kho, sārīputta, sotāpannoti? Yo hi, bhante, iminā aṭṭhaṅgikena maggena samannāgato, ayaṃ vuccati sotāpanno, yoyaṃ āyasmā evaṃnāmo evaṃgotto”ti. Idha pana maggena phalassa nāmaṃ dinnam, tasmā phalaṭṭho “sotāpanno”ti veditabbo. **Avinipātadhammoti** vinipātetīti vinipāto, nāssa vinipāto dhammoti avinipātadhammo, na attānaṃ apāye vinipātasabhāvoti vuttaṃ hoti. Kasmā? Ye dhammā apāyagamaniyā, tesam pahīnattā. Sambodhi param ayanam gati assāti **sambodhiparāyaṇo**, uparimaggattayaṃ avassam sampāpakoti attho. Kasmā? Paṭiladdhapaṭhamamaggattā. **Sīlesvevā**ti īdiso hotukāmopi sīlesvevassa paripūraṇārīti.

Dasamavāre paṭhamamaggena parikkhīṇānīpi tīṇi saṃyojanāni sakadāgāmimaggassa vaṇṇabhaṇanattam vuttāni. **Rāgadosamohānaṃ tanuttā**ti etesaṃ tanubhāvena, tanuttakaraṇenāti vuttaṃ hoti. Tattha dvīhi kāraṇehi tanuttam veditabbaṃ adhiccuppattiyā ca pariyaṭṭhānamandatāya ca. Sakadāgāmiṃsa hi vaṭṭānusārīmahājanasseva kilesā abhiṇham na uppajjanti, kadāci karahaci uppajjanti viralākārā hutvā, viralāvāpīte khetto aṅkurā viya. Uppajjamānāpi ca vaṭṭānusārīmahājanasseva maddantā pharantā chādentā andhakāram karontā na uppajjanti, mandamandā uppajjanti tanukākārā hutvā, abbhapaṭalamiva makkhikāpattamiva ca.

Tattha keci therā bhaṇanti “sakadāgāmiṃsa kilesā kiñcāpi cirena uppajjanti, bahalāva uppajjanti, tathā hissa puttā ca dhītaro ca dissanti”ti, etaṃ pana appamāṇam. Puttadhītaro hi aṅgapaccaṅgaparāmasanamattenapi hontīti. Dvīhiyeva

kāraṇehissa kilesānaṃ tanuttaṃ veditabbaṃ adhiccupattiyā ca pariyutṭhānamandatāya cāti.

Sakadāgāmīti sakiṃ āgamanadhammo. **Sakideva imaṃ lokam āgantvāti** ekavāraṃyeva imaṃ manussalokaṃ paṭisandhivasena āgantvā. Yopi hi idha sakadāgāmimaggaṃ bhāvetvā idheva parinibbāti, sopi idha na gahito. Yopi idha maggaṃ bhāvetvā devesu upapajjitvā tattheva parinibbāti. Yopi devaloke maggaṃ bhāvetvā tattheva parinibbāti. Yopi devaloke maggaṃ bhāvetvā idheva manussaloke nibbattitvā parinibbāti. Yo pana idha maggaṃ bhāvetvā devaloke nibbatto, tattha yāvatāyukaṃ ṭhatvā puna idheva upapajjitvā parinibbāti, ayamidha gahitoti veditabbo. **Dukkhassantaṃ kareyyanti** vaṭṭadukkhassa paricchedaṃ kareyyaṃ. **Sīlesvevāti** īdiso hotukāmopi sīlesvevassa paripūrakārīti.

Ekādasamavāre **pañcannanti** gaṇanaparicchedo. **Oraṃbhāgiyānanti** oraṃ vuccati heṭṭhā, heṭṭhābhāgiyānanti attho, kāmāvacaraloke uppattipaccayānanti adhippāyo. **Samyojanānanti** bandhanānaṃ, tāni kāmāgabyāpādasamyojanehi saddhiṃ pubbe vuttasamyojanāneva veditabbāni. Yassa hi etāni appahīnāni, so kiñcāpi bhavagge uppanno hoti, atha kho āyuparikkhayā kāmāvacare nibbattatiyeva, gilitabalisamacchūpamo svāyaṃ puggalo dīghasuttakena pāde baddhavihanṅūpamo cāti veditabbo. Pubbe vuttānampi cettha vacanaṃ vaṇṇabhaṇanatthamevāti veditabbaṃ. **Opapātikoti** sesayonipaṭikkhepavacanametam. **Tatthaparinibbāyīti** tattheva brahmaloke parinibbāyī. **Anāvattidhammo tasmā lokāti** tato brahmalokā paṭisandhivasena puna anāvattisabhāvo. **Sīlesvevāti** īdiso hotukāmopi sīlesvevassa paripūrakārīti.

68. Evaṃ anāgāmimagge vutte kiñcāpi catutthamaggassa vāro āgato, atha kho naṃ bhagavā aggahetvāva yasmā na kevalā āsavakkhayābhiññā eva sīlānaṃ ānisaṃso, apica kho lokiyapañcābhiññāyopi, tasmā tāpi dassetuṃ, yasmā ca āsavakkhaye kathite desanā niṭṭhitā hoti, evaṃca sati imesaṃ guṇānaṃ akathitattā ayaṃ kathā muṇḍābhiññākathā nāma bhavye, tasmā ca abhiññāpāripūriṃ katvā dassetumpi, yasmā ca anāgāmimagge ṭhitassa sukhena iddhivikuppanā ijjhati, samādhiparibandhānaṃ kāmāgabyāpādānaṃ samūhatattā, anāgāmī hi sīlesu ca samādhimhi ca paripūrakārī, tasmā yuttaṭṭhāneyeva lokiyābhiññāyo dassetumpi “ākañkheyya ce...pe... anekavihita”nti evamādimāhāti ayamanusandhi.

Tattha “anekavihitaṃ iddhividha”ntiadinā nayena āgatānaṃ pañcannampi lokiyābhiññānaṃ pālivaṇṇanā saddhiṃ bhāvanāyena **visuddhimagge** vuttā.

69. Chatṭhābhiññāya **āsavānaṃ khayāti** arahattamaggena sabbakilesānaṃ khayā. **Anāsavanti** āsavavirahitaṃ. **Cetovimuttiṃ paññāvimuttinti** ettha

cetovacanena arahattaphalasampayuttova samādhī, paññāvacanena taṃsāpayuttā paññāva vuttā. Tattha ca samādhī rāgato vimuttattā **cetovimutti**, paññā avijjāya vimuttattā **paññāvimuttī**ti veditabbā. Vuttañcetam bhagavatā ‘yo hissa, bhikkhave, samādhī, tadassa samādhindriyaṃ. Yā hissa, bhikkhave, paññā, tadassa paññindriyaṃ. Iti kho, bhikkhave, rāgavirāgā cetovimutti, avijjāvirāgā paññāvimuttī’ti, apicettha samathaphalaṃ **cetovimutti**, vipassanāphalaṃ **paññāvimuttī**ti veditabbā.

Diṭṭheva dhammeti imasmiṃyeva attabhāve. **Sayaṃ abhiññā sacchikatvāti** attanoyeva paññāya paccakkhaṃ katvā, aparapaccayena ñatvāti attho. **Upasampajja vihareyyanti** pāpunitvā sampādetvā vihareyyaṃ. **Sīlessevāti** evaṃ sabbāsave niddhunitvā cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ adhigantukāropi sīlessevassa paripūrakārīti.

Evaṃ bhagavā sīlānisamsakathaṃ yāva arahattā kathetvā idāni sabbampi taṃ sīlānisamsaṃ sampiṇḍetvā dassento nigamaṃ āha ‘sāmpannasīlā, bhikkhave...pe... idametam paṭicca vutta’nti. Tassāyaṃ saṅkhepattho, ‘sāmpannasīlā, bhikkhave, viharatha...pe... samādāya sikkhatha sikkhāpadesū’ti iti yaṃ taṃ mayā pubbe evaṃ vuttaṃ, idaṃ sabbampi sāmpannasīlo bhikkhu sabrahmacārīnaṃ piyo hoti manāpo, garu bhāvanīyo paccayānaṃ lābhī, paccayadāyakānaṃ mahapphalakaro, pubbañātīnaṃ anussaraṇacetanāya phalamahattakaro, aratiratisaho, bhayabheravasaho, rūpāvacarajjhānānaṃ arūpāvacarajjhānānaṃ lābhī, heṭṭhimāni tīṇi sāmāññaphalāni pañca lokiyābhiññā āsavakkhayañānanti ca ime ca guṇe sayaṃ abhiññā sacchikattā hoti, etaṃ paṭicca idaṃ sandhāya vuttanti. Idamavoca bhagavā, attamanā te bhikkhu bhagavato bhāsitaṃ abhinanduntī.

Papañcasūdaniyā majjhimanikāyaṭṭhakathāya

Ākaṅkheyyasuttavaṇṇanā niṭṭhitā.